

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 13-3-2024
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Học

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Vương
2. Ông Trần Trọng Vĩnh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Sáu – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 270/2023/TLST – HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 02/02/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/QĐST-HPT ngày 23/02/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thanh T, sinh năm 1982 (có yêu cầu vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 5, ấp D, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Ông Nguyễn Quân D, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 5, ấp D, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và biên bản ghi lời nguyên đơn bà Phan Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thanh T và ông Nguyễn Quân D kết hôn năm 2005, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05 ngày 24/01/2005 của Ủy ban nhân dân xã Th, huyện B(nay là thị xã B), tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân do ông D thường xuyên ăn nhậu về chửi bới bà T, vợ chồng không có sự quan tâm lẫn nhau, mâu thuẫn kéo dài dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm nên bà T yêu cầu ly hôn với ông D.

Về con chung: Bà T và ông D có 02 con chung là Nguyễn Phan Thủy T1, sinh năm 2005 và Nguyễn Đoàn Thanh T2, sinh năm 2012, khi ly hôn bà T yêu cầu nuôi con chung Nguyễn Đoàn Thanh T2, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Nguyễn Phan Thủy T1 đã trưởng thành nên bà T không yêu cầu gì.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Quân D vắng mặt không lý do, quá trình giải quyết vụ án không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi, nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét thấy bà T yêu cầu ly hôn với ông D do quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân đã không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho bà T được ly hôn với ông D. Giao con chung Nguyễn Đoàn Thanh T2 cho bà T nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Phan Thanh T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Quân D, bị đơn có nơi cư trú tại huyện H, nên đây là vụ án Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn. Bị đơn ông D vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa mà không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông D tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện B(nay là thị xã B), tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05 ngày 24/01/2005 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Bà T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn. Tại biên bản xác minh ngày 16/01/2024 xác định, quá trình chung sống bà T và ông D có xảy ra mâu thuẫn, từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông D là có thật. Đồng thời, quá trình giải quyết ông D không tham gia hòa giải tại Tòa án, không thể hiện mong muốn vợ chồng được D tụ, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho bà T ly hôn với ông D.

[3] Về con chung: Khi ly hôn bà T yêu cầu nuôi con chung Nguyễn Đoàn Thanh T2. Xét yêu cầu của bà T, Hội đồng xét xử thấy rằng, con chung Nguyễn Đoàn Thanh T2 có nguyện vọng ở cùng bà T khi cha mẹ ly hôn, quá trình giải quyết ông D không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, không có yêu cầu đối với con chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, giao con chung Nguyễn D Thanh T2 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và cũng đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên khi cha mẹ ly hôn.

Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không giải quyết.

Đối với con chung Nguyễn Phan Thủy T1 đã trưởng thành, đương sự không ai có yêu cầu gì nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung không có nên không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn bà Phan Thanh T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thanh T ly hôn với ông Nguyễn Quân D.
2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Đoàn Thanh T2, sinh năm 2012 cho bà Phan Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Phan Thanh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không giải quyết.

Không ai được quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì quyền lợi của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng hoặc người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Nguyên đơn bà Phan Thanh T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0015040 ngày 27/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Các đương sự;
- Nơi ĐKKH;
- CCTHADS huyện H;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Đình Học